

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023; Quyết hoãn phiên tòa số: 34/2023/QĐST ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bành Thị T**, sinh năm 1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 1, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Phạm Thủ Kh**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bành Thị T trình bày: Năm 2006, bà Bành Thị T và ông Phạm Thủ Kh tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/11/2006. Trong thời

gian chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cãi vã và bà T đã ra sống riêng từ năm 2014 cho đến nay. Vợ chồng chung sống nhưng không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, và từ lâu đã không còn chung sống, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và ông Kh đang chung sống với người phụ nữ khác. Nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn ý nghĩa, không còn khả năng hàn gắn tiếp tục chung sống nên bà T xin được ly hôn với ông Kh.

Bà T và ông Kh có 02 con chung tên Phạm Mỹ K, sinh ngày 23/02/2009 và Phạm Kim Ng, sinh ngày 10/12/2010, cháu K đang sống với ông Kh và cháu Ng đang sống với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Ng và đồng ý giao cháu K cho ông Kh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà T và ông Kh đều đi làm thuê, thu nhập vẫn đảm bảo nuôi con, các nên đã tự nuôi con từ lúc bà T ra sống riêng vào năm 2014 cho đến nay. Đối với cháu K hiện nay tuy chưa đủ tuổi trưởng thành nhưng cháu cũng được 14 tuổi nên cháu cũng biết tự chăm sóc bản thân và cháu vẫn khỏe mạnh phát triển bình thường nên khi giao cháu cho ông Kh trực tiếp nuôi dưỡng bà T cũng thấy an tâm. Bà T và ông Kh chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Thủ Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bành Thị T. Cho bà Bành Thị T xin ly hôn với ông Phạm Thủ Kh. Giao con chung tên Phạm Mỹ K, sinh ngày 23/02/2009 cho ông Kh trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Phạm Kim Ng, sinh ngày 10/12/2010 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông Kh và bà T. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn bà Bành Thị T và bị đơn ông Phạm Thủ Kh. Bị đơn ông Kh đang cư trú tại Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Kh đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Kh theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Năm 2004, bà T và ông Kh tự nguyện chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H ngày 17/11/2006 là đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông Kh là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà T cho rằng, quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2014 đến nay, nay xét thấy không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên bà T xin được ly hôn với ông Kh.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông Kh không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu xin ly hôn và ý kiến trình bày của chị bà T. Mặc khác, theo biên bản làm việc ngày 24/4/2023, ông Phạm Văn S là cha ruột của ông Kh xác định vợ chồng ông Kh và bà T chung sống xảy ra mâu thuẫn nên đã không còn chung sống hơn 10 năm nay, vợ chồng có 02 đứa con gái, đứa lớn sống với ông Kh, còn đứa nhỏ sống với bà T. Như vậy sự việc vợ chồng bà T và ông Kh chung sống có mâu thuẫn và đã không còn chung sống từ 2014 đến nay là có trên thực tế, là vợ chồng nhưng không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, nay bà T xin ly hôn thì ông Kh cũng không có ý kiến gì. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà T và ông Kh đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho bà T được ly hôn ông Kh là phù hợp.

[4] Về con chung: Nguyên đơn bà T xác định vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Phạm Mỹ K, sinh ngày 23/02/2009 và Phạm Kim Ng, sinh ngày 10/12/2010 và bà T có cung cấp giấy khai sinh của các con cho Tòa án, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Ng và giao cháu K cho ông Kh trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, năm 2014 bà T ra sống riêng thì cháu Ngọc cũng theo sống với bà T, còn cháu K thì sống với ông Kh cho đến nay, về điều kiện chăm sóc con của bà T và ông Kh là như nhau và để đảm bảo cuộc sống của các được ổn định cũng như theo nguyện vọng của các cháu thì cần giao cháu Ng cho bà T

tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho ông Kh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà T và ông Kh do các đương sự chưa có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, còn ông Kh không kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trong trường hợp, ông Kh có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền yêu cầu khởi kiện vụ án chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Bành Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bành Thị T đối với ông Phạm Thủ Kh, cho bà T được ly hôn ông Kh.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Mỹ K, sinh ngày 23/02/2009 cho ông Kh trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Phạm Kim Ng, sinh ngày 10/12/2010 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà T, ông Kh do chưa có yêu cầu. Bà T và ông Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản chung: Bà Bành Thị T không yêu cầu giải quyết và ông Phạm Thủ Kh cũng không có ý kiến yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Bành thị T xác định không có nợ chung và ông Phạm Thủ Kh cũng không có ý kiến yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bành Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0014580 ngày 03/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà T và ông Kh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. G;
- Chi cục THADS Tx. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt